

10/11/2012

## 2. Group

Group là **tập hợp nhiều user** lại.

Mỗi user luôn là thành viên của một group.

Khi **tạo một user thì mặc định một group được tạo ra**.

Mỗi group còn có một định danh riêng gọi là **GID**.

Định danh của group thường sử dụng giá trị bắt đầu từ 500.

## 3. Tập lệnh quản lý User và Group

- Tạo User:

**Cú pháp:** `#useradd [option] <username>`

-c “Thông tin người dùng”

-d <Thư mục cá nhân>

-m : Tạo thư mục cá nhân nếu chưa tồn tại

-g <nhóm của người dùng>

**Ví dụ:** `#useradd -c “Nguyen Van A – Server Admin” -g serveradmin vana`

- Thay đổi thông tin cá nhân:

**Cú pháp:** `#usermod [option] <username>`

Những option tương tự **Useradd**

**Ví dụ:** `#usermod -g kinhdoanh vana` //chuyển vana từ nhóm server admin sang nhóm kinh doanh.

- Xóa người dùng

**Cú pháp :** `#userdel [option] <username>`

**Ví dụ :** `#userdel -r vana`

- Khóa/Mở khóa người dùng

`passwd -l / passwd -u`

`usermod -L / usermod -U`

Trong /etc/shadow có thể khóa tài khoản bằng cách thay từ khóa x bằng từ khóa \*.

- Tạo nhóm:

**Cú pháp:** `#groupadd <groupname>`

**Ví dụ:** `#groupadd serveradmin`

- Xóa nhóm

**Cú pháp:** `#groupdel <groupname>`

**Ví dụ:** `#groupdel <serveradmin>`

- Xem thông tin về User và Group

**Cú pháp:** `#id <option> <username>`

**Ví dụ:** `#id -g vana //xem GroupID của user vana`

**Cú pháp:** `#groups <username>`

**Ví dụ:** `#groups vana //xem tên nhóm của user vana`

#### 4. Những file liên quan đến User và Group

##### **`#/etc/passwd`**

Mỗi dòng trong tập tin gồm có 7 trường, được phân cách bởi dấu hai chấm.

##### **`#/etc/group`**

Mỗi dòng trong tập tin gồm có 4 trường, được phân cách bởi dấu hai chấm.

##### **`#/etc/shadow`**

Lưu mật khẩu đã được mã hóa và chỉ có user **root** mới được quyền đọc.

#### 5. Quyền hạn

Trong Linux có 3 dạng đối tượng :

- Owner (người sở hữu).
- Group owner (nhóm sở hữu).
- Other users (những người khác).

Các quyền hạn :

- Read – r – 4 : cho phép đọc nội dung.
- Write – w – 2 : dùng để tạo, thay đổi hay xóa.
- Execute – x – 1 : thực thi chương trình.

Ví dụ : Với lệnh `ls -l` ta thấy :

```
[root@task ~]# ls -l
total 32
-rw-----. 1 root root 1416 Jan 10 14:06 anaconda-ks.cfg
-rw-r--r--. 1 root root 15522 Jan 10 14:06 install.log
-rw-r--r--. 1 root root 5337 Jan 10 14:06 install.log.syslog
drwxr-xr-x 6 root root 4096 Feb 9 10:02 softs
```

Ngoài ra, chúng ta có thể dùng số.

Ví dụ : quyền r, w, x :  $4+2+1 = 7$

Tổ hợp 3 quyền trên có giá trị từ 0 đến 7.

## 5. Các lệnh liên quan đến quyền hạn

- **Lệnh *Chmod*** : dùng để cấp quyền hạn.

Cú pháp : **#chmod**

Ví dụ: **#chmod** 644 baitap.txt //cấp quyền cho owner có thể ghi các nhóm các chỉ có quyền đọc với file taptin.txt

- **Lệnh *Chown*** : dùng thay đổi người sở hữu.

Cú pháp : **#chown**

- **Lệnh *Chgrp*** : dùng thay đổi nhóm sở hữu.

Cú pháp : **#chgrp**

Được tài trợ bởi [Vinahost](#)

[↑ Back to top](#)